

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP LƯƠNG
THÁNG 9 - NĂM 2025 (2.340.000đ)

TT	HỌ VÀ TÊN	CV	Mức ngạch	Hệ số			Tỷ lệ % VK		Tỷ lệ % PCTNN		T.Cộng	CKĐBH 9.5% ; 10,5%BHXH, BHTN	CÁC KHOẢN LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THỰC NHẬN								Ghi chú
				Lương	PCCV	PCĐ H	%	HS	%	H. số			100%LCB	PCCV	PCTNNG	PCĐH	PCVK	PCT N	PCƯĐ 35%	T.nhận	
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8	11	12	13		14	15	16	17	18	
	I BIÊN CHẾ			66,98	1,1	0,2	0	0,0	0	7,282	159.187.860	15.075.906	126.305.139	2.199.015	13.239.955	468.000	0		50.965.551	193.177.660	
1	Bùi Ngọc Tường	PHT	V.07.03.29	3,66	0,25				14%	0,5474	9.149.400	960.687	7.665.138	523.575	1.146.420	0			3.202.290	12.537.423	
2	Nguyễn Thị Hải	GV	V.07.03.28	5,02					25%	1,2550	11.746.800	1.233.414	10.513.386	0	2.628.347	0			4.111.380	17.253.113	
3	Nguyễn Thị Lý	KT	V.07.03.28	4,34	0,20				21%	0,9534	10.623.600	1.115.478	9.089.262	418.860	1.996.706	0			3.718.260	15.223.088	
4	Ng.T.Thụy Khánh	GV	V.07.03.28	4,00					17%	0,6800	9.360.000	982.800	8.377.200	0	1.424.124	0			3.276.000	13.077.324	
5	Diệp Thị Khánh Hiền	GV	V.07.03.28	4,00					18%	0,7200	9.360.000	0	0	0	0	0			3.276.000	3.276.000	NS
6	Lê Thị Nữ	GV	V.07.03.29	3,66					14%	0,5124	8.564.400	899.262	7.665.138	0	1.073.119	0			2.997.540	11.735.797	
7	Nguyễn Tiến Thủy	GV	V.07.03.29	3,66					14%	0,5124	8.564.400	899.262	7.665.138	0	1.073.119	0			2.997.540	11.735.797	
8	Đỗ Thị Bích Thủy	KT	V.07.03.29	3,66	0,20				14%	0,5404	9.032.400	948.402	7.665.138	418.860	1.131.760	0			3.161.340	12.377.098	
9	Lê Thị Thùy Oanh	GV	V.07.03.07	3,33					9%	0,2997	7.792.200	818.181	6.974.019	0	627.662	0			2.727.270	10.328.951	
10	Huỳnh Trần Thùy Trang	GV	V.07.03.29	2,67					9%	0,2403	6.247.800	0	0	0	0	0			2.186.730	2.186.730	NS
11	Lê Trung Lượng	GV	V.07.03.29	2,67					8%	0,2136	6.247.800	656.019	5.591.781	0	447.342	0			2.186.730	8.225.853	
12	Huỳnh Thị Lệ Khuyên	GV	V.07.03.29	2,34					6%	0,1404	5.475.600	574.938	4.900.662	0	294.040	0			1.916.460	7.111.162	
13	Nguyễn Tấn Kiên	GV	V.07.03.29	2,34					6%	0,1404	5.475.600	574.938	4.900.662	0	294.040	0			1.916.460	7.111.162	
14	Huỳnh Thanh Quỳnh	GV	V.07.03.29	2,34					6%	0,1404	5.475.600	574.938	4.900.662	0	294.040	0			1.916.460	7.111.162	
15	Đỗ Thị Hồng Tươi	GV	V.07.03.29	2,34	0,20				6%	0,1524	5.943.600	624.078	4.900.662	418.860	319.171	0			2.080.260	7.718.953	
16	Nguyễn T.Bích Phượng	GV	V.07.03.29	2,34					5%	0,1170	5.475.600	574.938	4.900.662	0	245.033	0			1.916.460	7.062.155	
17	Lê Thị Phương Bích Mai	GV	V.07.03.29	2,34							5.475.600	574.938	4.900.662	0	0	0			1.916.460	6.817.122	
18	Lê Thị Bích Ngà	GV	V.07.03.29	2,34					5%	0,1170	5.475.600	574.938	4.900.662	0	245.033	0			1.916.460	7.062.155	
19	Huỳnh Thị Ngọc Vinh	GV	V.07.03.29	2,34							5.475.600	574.938	4.900.662	0	0	0			1.916.460	6.817.122	
20	Hà Thị Hồng Thu	GV	V.07.03.29	1,99							4.654.260	488.697	4.165.563	0	0	0			1.628.991	5.794.554	
21	Huỳnh Thị Thu Sương	Ktoán	06.032	3,34	0,20						8.283.600	869.778	6.994.962	418.860	0	0				7.413.822	
22	Võ Hoàng Ánh Tuyết	T.Viện	V.10.02.07	2,26		0,2					5.288.400	555.282	4.733.118	0	0	468.000				5.201.118	
	Tổng cộng			66,98	1,1	0,2		0,0		7,28	159.187.860	15.075.906	126.305.139	2.199.015	13.239.955	468.000	0	0	50.965.551	193.177.660	

Bảng chữ: Một trăm chín mươi ba triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm sáu chục đồng

Kế toán



Huỳnh Thị Thu Sương

Phổ Nhơn ngày 03 tháng 9 năm 2025

P. HIỆU TRƯỞNG




Bùi Ngọc Tường

Handwritten text, possibly a date or signature, in the top left corner.





Ngày ký: 03/09/2025 09:28:11
Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Trường Tiểu học Phổ
Nhơn
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ giao
nhận trực tuyến

Mẫu số: 09

Mã hiệu:

Số:.....

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/ủy nhiệm chi số: 58 NS ngày 03 tháng 9 năm 2025)

Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: TRƯỜNG TIỂU HỌC PHỔ NHƠN

2. Mã đơn vị: 1107893

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam: 0271.000.620.489

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chi tiền lương và các khoản phụ cấp theo lương tháng 9/2025 cho CB, GV, NV qua tài khoản cá nhân

TT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương tháng 9/2025	Tiền công LĐ hợp đồng tháng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán	Tiền học bổng	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Tổng số			193.177.660	193.177.660	0	0	0	0	0	0	0
I.	Đối với công chức, viên chức			193.177.660	193.177.660	0	0		0			0
1	Bùi Ngọc Tường	0271000889933	Vietcombank	12.537.423	12.537.423							
2	Nguyễn Thị Hải	0271000499159	Vietcombank	17.253.113	17.253.113							
3	Nguyễn Thị Lý	0271000499094	Vietcombank	15.223.088	15.223.088							
4	Nguyễn T.Thụy Khánh	0271000892180	Vietcombank	13.077.324	13.077.324							
5	Diệp Thị Khánh Hiền	0271000956075	Vietcombank	3.276.000	3.276.000							
6	Lê Thị Nữ	0271000979894	Vietcombank	11.735.797	11.735.797							
7	Nguyễn Tiến Thủy	0271000890784	Vietcombank	11.735.797	11.735.797							
8	Đỗ Thị Bích Thùy	0271001034870	Vietcombank	12.377.098	12.377.098							
9	Lê Thị Thùy Oanh	0271000977713	Vietcombank	10.328.951	10.328.951							
10	Lê Trung Lượng	0271001044208	Vietcombank	8.225.853	8.225.853							
11	Huỳnh Thị Lệ Khuyên	0271001003432	Vietcombank	7.111.162	7.111.162							
12	Nguyễn Tấn Kiên	0271001033326	Vietcombank	7.111.162	7.111.162							
13	Huỳnh Thanh Quỳnh	0271001004199	Vietcombank	7.111.162	7.111.162							
14	Đỗ Thị Hồng Tươi	0271001085854	Vietcombank	7.718.952	7.718.952							

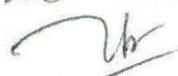
15	Nguyễn T Bích Phượng	0271000987639	Vietcombank	7.062.155	7.062.155						
16	Lê T. Phương Bích Mai	0271001105080	Vietcombank	6.817.122	6.817.122						
17	Huỳnh Trần Thùy Trang	1030116125	Vietcombank	2.186.730	2.186.730						
18	Huỳnh Thị Ngọc Vinh	0571000010520	Vietcombank	6.817.122	6.817.122						
19	Lê Thị Bích Ngà	1050056959	Vietcombank	7.062.155	7.062.155						
20	Hà Thị Hồng Thu	1055083087	Vietcombank	5.794.554	5.794.554						
21	Huỳnh Thị Thu Sương	0271000743132	Vietcombank	7.413.822	7.413.822						
22	Võ Hoàng Ánh Tuyết	0271001005010	Vietcombank	5.201.118	5.201.118						
II. Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP)						0					
III. Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ						0					
IV. Thanh toán cá nhân khác(CV 6001/KBNN-KSC)									-		

Tổng số tiền bằng chữ: Một trăm chín mươi ba triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm sáu chục đồng

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước: Không có

Người lập

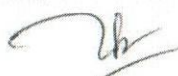
(Ký, ghi rõ họ tên)



Huỳnh Thị Thu Sương

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

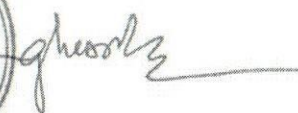
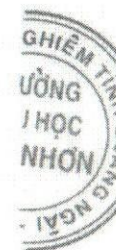


Huỳnh Thị Thu Sương

Ngày 03 tháng 9 năm 2025

P. Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHÒNG GIAO DỊCH SỐ 21-KBNN KHU VỰC XV

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

Bùi Ngọc Cường

Ngày..... tháng 9 năm 2025

Trưởng Phòng